TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST
Ngày: 23/9/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đông, ông Lương Đình Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2025/TLST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Công ty TNHH X**,

Địa chỉ: Số B, tổ H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội, nay là phường Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Văn C - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Phạm Hồng S- Giám đốc Công ty L.

Người đại diện theo ủy quyền lại của Công ty L.

Bà Nguyễn Thị Thu T - Luật sự, Công ty L.

Địa chỉ: Phòng B, tầng D, Tòa R - Chung cư T one, đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, nay là phường T, thành phố Hà Nội.

Người được phân công: 1. Ông Quán Văn T1 - Chuyên viên

2. Bà Bùi Thu H - Chuyên viên

Địa chỉ: Phòng B, tầng D, Tòa R- Chung cư T one, đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, nay là phường T, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: **Công ty TNHH X1.**

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, nay là thôn P, xã Đ, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình T2 - Chức vụ: Giám đốc.

(*Đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện,bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/6/2020, Công ty TNHH X1 (Viết tắt Công ty X1) và Công ty TNHH X (Viết tắt Công ty X) có ký kết Hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê tông số 23.11/HĐMB/2020/HT-HH. Theo đó, Công ty X sản xuất và vận chuyển bê tông đến địa điểm Công trường của Công ty X1 tại địa chỉ: Tên Công trình: Nhà xưởng Công ty K; Địa điểm: Khu công nghiệp P, Hải Dương, nay là thành phố Hải Phòng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng và thanh toán: Sau khi ký Hợp đồng, Công ty X tiến hành cung cấp bê tông thương phẩm theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu của Công ty X1. Vào ngày 30 hoặc 31 hàng tháng, hai bên đối chiếu khối lượng, giá trị thực hiện trong tháng làm căn cứ để Công ty X phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty X1 với các giá trị tương ứng ghi nhận, cụ thể như sau:

- Ngày 31/12/2020, Công ty H1 xác nhận khối lượng, giá trị và xuất hóa đơn số 139, giá trị hóa đơn GTGT là 1.111.620.000 đồng;

- Ngày 29/06/2021, Công ty H1 xác nhận khối lượng, giá trị và suốt hóa đơn GIOT số 494, giá trị hóa đơn là 256.725.000 đồng.

Tổng giá trị hóa đơn giá trị gia tăng Công ty X xuất cho Công ty X1 là **1.368.345.000** đồng.

Căn cứ vào biên bản đối chiếu khối lượng, giá trị giữa hai bên, hóa đơn giá trị gia tăng Công ty X đã xuất cho Công ty X1, ngày 28/12/2021, đại điện Công ty X và đại diện Công ty X1 tiến hành ký biên bản xác nhận công nợ với tổng giá trị tiền hàng phải thanh toán là **1.368.345.000** đồng.

Sau đó, Công ty X đã nhiều lần đề nghị Công ty X1 thanh toán số tiền nhưng đến nay, Công ty X1 chỉ hợp tác thanh toán một phần. Cụ thể như sau:

- Ngày 31/12/2021, Công ty X1 đã thanh toán số tiền là 200.000.000 đồng;

- Ngày 10/11/2022, Công ty X1 đã thanh toán số tiền là 100.000.000 đồng.

Tính đến hết ngày 10/11/2022, Công ty X1 đã thanh toán cho Công ty X tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Số tiền Công ty X1 còn phải thanh toán cho Công ty X số tiền là **1.068.345.000** đồng *(Bằng chữ*: *Một tỷ, không trăm sáu* mươi tám *triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)*.

Công ty X đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, nay Tòa án nhân dân Khu vực 12 -Hải Phòng giải quyết: Buộc Công ty X1 phải thanh toán cho Công ty X các khoản tiền sau:

- Số tiền còn phải thanh toán Hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê tông số 23.11/HĐMB/2020/HT-HH ngày 01 tháng 06 năm 2020 là **1.068.345.000** đồng *(Một tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

- Lãi suất do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 8.3, Điều 8 Hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê tông số 23.11/HĐMB/2020/HT- HH ngày 01 tháng 06 năm 2020 (lãi suất 1.2%/tháng)

tạm tính từ ngày 16/01/2021 đến ngày 23/09/2025 là **767.558.456** đồng *(B trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

- Khoản phạt vi phạm điều khoản thanh toán theo quy định tại khoản 3.4, Điều 3 Hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê tông số 23.11/HĐMB/2020/HT- HH ngày 01/06/2020 là **85.467.600** đồng *(Bằng* chữ: T3 *mươi* lăm triệu, bốn *trăm sáu* mươi bảy *nghìn, sáu trăm đồng)*;

Tổng số tiền mà Công ty X1 phải thanh toán cho Công ty X là: **1.921.371.056** đồng *(Một tỷ, chính trăm hai mươi mốt triệu, ba trăm bảy mươi mốt nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng)* và đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi cho tới khi Công ty X1 thanh toán toàn bộ số tiền trên cho Công ty X.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Việc ký kết hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê tông số 23.11/HĐMB/2020/HT-HH giữa công ty TNHH X1 và Công ty TNHH X ngày 01/6/2020 như nguyên đơn trình bày là đúng. Sau khi ký Hợp đồng, Công ty X đã cung cấp bê tông thương phẩm theo hợp đồng, giữa các bên đã ký biên bản đối chiếu khối lượng, giá trị, hóa đơn giá trị gia tăng và ký biên bản xác nhận công nợ với tổng giá trị tiền hàng phải thanh toán là **1.368.345.000** đồng. Phía Công ty X1 đã thanh toán được một phần giá trị tiền hàng cụ thể là:

- Ngày 31/12/2021, Công ty X1 đã thanh toán số tiền là 200.000.000 đồng;

- Ngày 10/11/2022, Công ty X1 đã thanh toán số tiền là 100.000.000 đồng.

Lý do phía công ty X1 chưa thanh toán nốt số tiền hàng còn lại là do trong quá trình kinh doanh, công ty X1 có ký kết một số hợp đồng kinh tế với một số đối tác làm ăn khác tuy nhiên những đối tác đó chưa thanh toán tiền cho công ty X1 nên công ty X1 chưa thể thanh toán đầy đủ số tiền hàng hóa theo hợp đồng đã ký kết với công ty X. Nay công ty X khởi kiện yêu cầu Công ty X1 phải thanh toán cho Công ty X tính đến ngày 15/7/2025 là: **1.891.457.396** đồng *(bao gồm số tiền còn phải thanh toán Hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê tông, Lãi suất do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Khoản phạt vi phạm điều khoản thanh toán theo hợp đồng)* và đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi cho tới khi Công ty X1 thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên cho Công ty X thì quan điểm của công ty X là Công ty X1 ghi nhận và không phủ nhận nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty X theo Hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê tông đã ký kết. Tuy nhiên việc thanh toán toàn bộ ngay lập tức số tiền tính đến ngày 15/7/2025 là **1.891.457.396** đồng như yêu cầu của nguyên đơn vượt quá khả năng tài chính hiện tại của Công ty X1. Vì vậy, Công ty X1 đề nghị cho phép Công ty được giãn thời gian thanh toán số tiền còn lại thành nhiều đợt, phù hợp với khả năng thu xếp tài chính thực tế của Công ty X1, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của nguyên đơn và đề nghị công ty X xem xét miễn hoặc giảm khoản lãi chậm trả và khoản phạt vi phạm hợp đồng, bởi việc chậm thanh toán xuất phát từ nguyên nhân khách quan, không phải do Công ty T4, mà do tình trạng khó khăn của Công ty.

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn, bị đơn đều xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 357, Điều 401; Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 4, Điều 24; Điều 50 Luật thương mại; Điều 30; Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Xử, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

- Buộc Công ty X1 phải trả cho Công ty X số tiền nợ gốc theo Hợp đồng mua bán số 23.11/HĐMB/2020/HT-HH là 1.068.345.000đ và tiền lãi chậm thanh toán của số tiền trên tính từ ngày chậm thanh toán theo lãi suất 1,2%/tháng.

- Không chấp nhận yêu cầu của Công ty X yêu cầu Công ty X1 thanh toán khoản phạt vi phạm điều khoản thanh toán;

Về án phí: Công ty X1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định. Công ty X phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty TNHH X khởi kiện tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn Công ty TNHH X1. Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai công ty đều có đăng ký kinh doanh với nhau và vì mục đích lợi nhuận, bị đơn có trụ sở tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, nay là thôn P, xã Đ, thành phố Hải Phòng nên quan hệ tranh chấp được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê tông số: 23.11/HĐMB/2020/HT-HH ngày 01/6/2020, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về hình thức của Hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký và con dấu của người đại diện theo pháp luật của hai công ty; nội dung của Hợp đồng mua bán đều tuân thủ theo quy định của pháp luật, hợp đồng mua bán là hợp pháp. Khi tham gia ký kết hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của mỗi bên và phù hợp với

quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc của nguyên đơn: Xem xét hợp đồng mua bán số 23.11/HĐMB/2020/HT-HH ngày 01/6/2020 mà hai bên đã ký kết, hóa đơn chứng từ mua bán, giao nhận hàng hóa do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định: - Ngày 31/12/2020, Công ty H1 xác nhận khối lượng, giá trị và xuất hóa đơn số 139, giá trị hóa đơn GTGT là 1.111.620.000 đồng.

- Ngày 29/06/2021, Công ty H1 biên bản xác nhận khối lượng, giá trị và suất hóa đơn GIOT số 494, giá trị hóa đơn là 256.725.000 đồng.

Tổng giá trị hóa đơn giá trị gia tăng Công ty X xuất cho Công ty X1 là 1.368.345.000 đồng. Tại biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 28/12/2021, đại điện Công ty X và đại diện Công ty X1 tiến hành ký biên bản xác nhận công nợ với tổng giá trị tiền hàng phải thanh toán là **1.368.345.000** đồng. Ngày 31/12/2021, và ngày 10/11/2022, Công ty X1 đã thanh toán cho Công ty X số tiền là 300.000.000 đồng. Số tiền Công ty X1 còn phải thanh toán cho Công ty X số tiền là **1.068.345.000** đồng *(Một tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)*. Vì vậy xác định số tiền gốc của Công ty X1 chưa thanh toán cho Công ty X là **1.068.345.000** đồng. Do đó yêu cầu đề nghị thanh toán số tiền gốc nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi chậm thanh toán: Ngày 28/12/2021 đại diện Công ty X và đại diện công Ty X1 đã lập biên bản đối chiếu xác nhận công nợ, tổng số tiền là **1.368.345.000** đồng, sau đó Công ty X yêu cầu Công ty X1 thanh toán số tiền nêu trên, Công ty X1 đã thanh toán một phần, tổng số tiền đã thanh toán 300.000.000 đồng, số tiền còn lại **1.068.345.000** đồng đến nay vẫn chưa thanh toán. Việc công ty X1 chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm thỏa thuận hợp đồng mua bán và cung cấp dịch vụ đã ký kết gây thiệt hại cho công ty X nên công ty X yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ.

Công ty X yêu cầu tính lãi suất 1,2%/tháng như thỏa thuận tại hợp đồng tuy nhiên bị đơn không đồng ý với mức lãi suất này, HĐXX thấy rằng theo Điều 357 Bộ luật dân sự quy định lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, tức không vượt quá 20%/ năm, Công ty X yêu cầu tính lãi suất 1,2%/tháng tương đương 14,4%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận mức lãi suất 1,2%/tháng theo yêu cầu của Công ty X. Từ ngày 16/01/2021 đến ngày 23/9/2025 số tiền lãi chậm trả, số tiền lãi quá hạn tổng cộng là **767.558.456** đồng; cộng lãi và gốc là **1.835.903.456** đồng, Hội đồng xét xử thấy công ty X1 không thực hiện đúng như hợp đồng mà hai bên đã thoả thuận là vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của Công ty X.

[5] Về thời điểm tính lãi suất: Tại khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng mua bán bê tông có quy định về thời hạn thanh toán là sau 10-15 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn (ngày xuất hóa đơn lần đầu là ngày 31/12/2020), tuy nhiên đến ngày 31/12/2021 công ty X1 mới thanh toán được một phần số tiền theo hóa đơn là vượt quá thời hạn thanh toán nên phía công ty X yêu cầu tính lãi chậm trả từ thời điểm ngày 16/01/2021 là có căn cứ.

[6] Về yêu cầu phạt vi phạm: Tại khoản 3.4 Điều 3 có tiêu đề: "Phạt vi phạm điều khoản thanh toán" nhưng nội dung chỉ quy định việc "trả lãi trả chậm theo lãi suất 1,2%/tháng tính trên số công nợ trả chậm". Như vậy bản chất khoản 3.4 là thỏa thuận về lãi chậm trả chứ không phải thỏa thuận về phạt vi phạm độc lập nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản phạt vi phạm điều khoản thanh toán bằng 8% giá trị hợp đồng vi phạm là **85.467.600** đồng là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn; nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, Điều 401, 430, 440, Điều 357, 468 Bộ luật dân sự, Điều 24, 34, 50 Luật thương mại; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH X1 Hoàng Huy G phải trả cho Công ty TNHH X tổng số tiền gốc và lãi là **1.835.903.456** đồng, trong đó số tiền nợ gốc **1.068.345.000** đồng, tiền lãi do chậm thanh toán là **767.558.456** đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/9/2025, Công ty TNHH X1 Hoàng Huy G còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán tài sản đã ký kết là 1.2%/tháng trên số nợ gốc còn lại cho đến khi thực trả hết nợ gốc và lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc cho cho Công ty TNHH X.

2. Về án phí: Công ty TNHH X1 phải chịu **67.077.103** đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH X phải chịu **4.273.380** đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*) Công ty X đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

ký hiệu: BLTU/24, số: 0002504 ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Trả lại cho Công ty TNHH X số tiền **27.726.620** đồng (*Hai mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi đồng*).

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 12;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng.
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Quang Khuyến